

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HS-ST

Ngày: 21- 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu; Ông Võ Khắc Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 494/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Cao Hữu T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1991 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký HKTT: Tổ 15, số nhà 43 ngõ 29, H, S, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Hữu Đ (đã chết) và bà Trần Thị Kim Ph, sinh năm 1968; có vợ là Bì Thị Th, sinh năm 1990, có 02 người con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 06/4/2021 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Thôn Th, xã V, huyện Ú, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị Lan H, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Thôn Tr, xã B, thành

phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

3. Chị Tăng Thị M, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Thôn 7, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

4. Chị Dương Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Thôn 3, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

5. Anh Lê Xuân D, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Thôn Ph, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Thôn Th, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

7. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Thôn Th, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

8. Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Thôn 1, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

9. Anh Trần Đình T, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Thôn 2, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

10. Chị Trần Thị Th, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 7, phường Đò, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

11. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Thôn 1 V, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

12. Anh Trần Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 2, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

13. Chị Phạm Thanh H, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Số 93 đường Ng, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

14. Chị Trần Thị M, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 14, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

15. Anh Bùi Sông C, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2020, Cao Hữu T sinh năm 1991, trú tại S, phường Y, quận H, TP. Hà Nội đến địa bàn tỉnh Quảng Bình đăng ký tạm trú tại thôn M, xã B, TP. Đ để thực hiện hoạt động cho vay với lãi suất cao. Cao Hữu T rải tờ rơi tại các tuyến

đường và nơi công cộng để lôi kéo người vay bằng hình thức tín chấp, với thủ tục đơn giản là người vay chỉ cần phô tô sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, cho biết địa chỉ nhà ở, số điện thoại. Do cần tiền nên nhiều người dân ở TP. Đồng Hới, huyện Quảng Ninh và Bố Trạch đã thông qua số điện thoại trên tờ rơi, liên lạc với Cao Hữu T để vay tiền, T đưa ra quy định về mức gói vay, mức tiền trả góp mỗi ngày, thời hạn trả tiền vay và tiền phí hồ sơ, xăng xe. Khi đưa tiền gói vay, Cao Hữu T thu trước tiền trả góp ngày đầu tiên và tiền phí hồ sơ, hàng ngày T gặp từng người vay để thu tiền, địa điểm thu tiền không cố định vì T và người vay thống nhất qua điện thoại hoặc chuyển vào tài khoản ngân hàng của T. Để thực hiện hành vi phạm tội, Cao Hữu T gọi thêm Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1996, trú tại xã V, huyện Ú, thành phố Hà Nội vào giúp cho T thực hiện việc cho vay, Nguyễn Mạnh C được T giao tiền để cho một số người vay. Hàng tháng Cao Hữu T trả tiền công cho Nguyễn Mạnh C từ 5 đến 6 triệu đồng và hỗ trợ thêm tiền ăn, tiền trọ, thỉnh thoảng còn cho thêm tiền xăng xe, điện thoại.

Trong thời gian từ đầu năm 2020 đến tháng 01/2021, Cao Hữu T đã cho 14 người vay tiền với 43 gói vay, tổng số tiền cho vay là 517.000.000 đồng; mức lãi suất từ 243%/năm đến 365%/năm, cao gấp từ 12,15 lần đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện cho vay, Cao Hữu T đã thu được tổng số tiền 552.500.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 443.833.333 đồng, tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) là 6.087.672 đồng và số tiền lãi T thu lợi bất chính là 102.578.995 đồng; số tiền phí hồ sơ là 37.300.000 đồng. Số tiền gốc người vay chưa trả cho T là 69.966.000 đồng. Tổng số tiền Cao Hữu T thu lợi bất chính là 139.878.995 đồng, cụ thể như sau:

1. Hoàng Thị Lan H, sinh năm 1972, trú tại thôn Tr, xã B, TP. Đ, Quảng Bình từ tháng 3/2020 đã vay của Cao Hữu T 15 gói vay, cụ thể:

- Có 10 gói vay với số tiền mỗi gói là 20.000.000 đồng, thời hạn vay của mỗi gói là 25 ngày, trả góp cả gốc và lãi 1.000.000đ/ngày/gói, tương ứng mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền phí của mỗi gói vay là 10%/gói tương ứng số tiền 2.000.000đ/gói, tuy vậy chỉ có 07 gói T thu 2.000.000đ/gói, có 03 gói T chỉ thu phí 1.000.000đ/gói; tổng cộng tiền phí của 10 gói vay T đã thu là 17.000.000 đồng. Chị H đã trả đủ cho T 08 gói là 200.000.000 đồng, hai gói còn lại mới trả mỗi gói 01 ngày với số tiền là 2.000.000 đồng.

- Có 05 gói vay với số tiền mỗi gói là 10.000.000 đồng, thời hạn vay của mỗi gói là 25 ngày, trả góp cả gốc và lãi 500.000đ/ngày, tương ứng mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền phí T quy

định thu trước 1.000.000đ/gói, tuy vậy chỉ có 02 gói thu đủ, có 03 gói chỉ thu phí 500.000đ/gói; tổng cộng tiền phí của 05 gói vay T đã thu là 3.500.000 đồng. Chị H đã trả đủ cho T 04 gói là 50.000.000 đồng, còn gói thứ năm trả được 5 ngày với số tiền 2.500.000 đồng.

Tổng số tiền Cao Hữu T đã cho chị H vay là 250.000.000 đồng, T đã thu được số tiền 254.500.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 203.600.000 đồng, tiền lãi theo quy định (20%) là 2.789.041 đồng và tiền lãi T thu lợi bất chính là 48.110.959 đồng. Tổng số tiền phí hồ sơ là 20.500.000 đồng. Số tiền gốc chị Hoàng Thị Lan H chưa trả là 46.400.000 đồng. Tổng số tiền Cao Hữu T thu lợi bất chính là **68.610.959** đồng.

2. Tăng Thị M, sinh năm 1980, trú tại thôn 7, xã L, thành phố Đ, Quảng Bình từ ngày 08/7/2020 đến ngày 17/11/2020 đã vay của Cao Hữu T 06 gói vay, cụ thể:

- Có 04 gói vay với số tiền mỗi gói là 20.000.000 đồng, thời hạn vay của mỗi gói là 25 ngày, trả góp cả gốc và lãi 1.000.000đ/ngày, tương ứng mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. T thu tiền phí gói thứ nhất là 2.000.000 đồng, 03 gói sau thu 1.000.000đ/gói. Chị M đã trả đủ 04 gói vay cho T với số tiền là 100.000.000 đồng.

- Có 02 gói với số tiền vay mỗi gói là 15.000.000 đồng, thời hạn vay của mỗi gói là 25 ngày, trả góp cả gốc và lãi 750.000đ/ngày, tương ứng mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. T thu tiền phí gói thứ nhất là 1.500.000 đồng, gói thứ hai thu 1.300.000 đồng. Chị M đã trả đủ cho T gói thứ nhất là 18.750.000 đồng, gói thứ hai mới trả 20 ngày là 15.000.000 đồng.

Tổng số tiền Cao Hữu T đã cho chị M vay là 110.000.000 đồng, T đã thu được số tiền 133.750.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 107.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định (20%) là 1.465.753 đồng và số tiền lãi Cao Hữu T thu lợi bất chính là 25.284.247 đồng. Tổng số tiền phí hồ sơ là 7.800.000 đồng. Số tiền gốc chị Tăng Thị M chưa trả là 3.000.000 đồng. Tổng số tiền Cao Hữu T thu lợi bất chính là **33.084.247** đồng.

3. Dương Thị H, sinh năm 1982, trú tại Thôn 3, xã L, TP Đ, Quảng Bình đầu năm 2020 đã vay của Cao Hữu T 01 gói vay với số tiền là 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 ngày, trả góp cả gốc và lãi 500.000đ/ngày, tương ứng mức lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền phí hồ sơ là 1.000.000 đồng. Chị H đã trả đủ gói vay cho T là 12.000.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định (20%) là 131.507 đồng và số tiền lãi T thu lợi bất chính là 1.868.493 đồng. Tổng số tiền Cao Hữu T thu lợi bất chính là **2.868.493** đồng.

4. Lê Xuân D, sinh năm 1980, trú tại Thôn Ph, xã Đ, huyện B, Quảng Bình tháng 10/2020 đã vay của Cao Hữu T 01 gói vay với số tiền là 7.000.000 đồng, thời hạn vay là 25 ngày, trả góp cả gốc và lãi 350.000đ/ngày, tương ứng mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền phí hồ sơ là 500.000 đồng. Anh D đã trả đủ gói vay cho Tuyên là 8.750.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 7.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định (20%) là 95.890 đồng và số tiền lãi T thu lợi bất chính là 1.654.110 đồng. Tổng số tiền Cao Hữu T thu lợi bất chính là **2.154.110** đồng.

5. Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1997, trú tại Thôn Th, xã Th, huyện B, Quảng Bình tháng 11/2020 đã vay của Cao Hữu T 01 gói vay với số tiền là 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 25 ngày, trả góp cả gốc và lãi 500.000đ/ngày, tương ứng mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền phí hồ sơ là 1.000.000 đồng. Chị Ng đã trả đủ gói vay cho T là 12.500.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định (20%) là 136.986 đồng và số tiền lãi T thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng. Tổng số tiền Cao Hữu T thu lợi bất chính là **3.363.014** đồng.

6. Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1987, trú tại Thôn Th, xã Th, huyện B, Quảng Bình từ tháng 11/2020 đã vay của Cao Hữu T 02 gói vay, cụ thể:

- Có 01 gói vay với số tiền là 5.000.000 đồng, thời hạn vay là 25 ngày, trả góp cả gốc và lãi 250.000đ/ngày, tương ứng mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền phí hồ sơ là 500.000 đồng. Chị H đã trả đủ gói vay cho T là 6.250.000 đồng.

- Có 01 gói vay với số tiền là 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 25 ngày, trả góp cả gốc và lãi 500.000đ/ngày, tương ứng mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền phí hồ sơ là 1.000.000 đồng. Chị H đã trả đủ gói vay cho T là 12.500.000 đồng.

Tổng số tiền Cao Hữu T đã cho chị H vay là 15.000.000 đồng, T đã thu được số tiền 18.750.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định (20%) là 205.479 và số tiền lãi T thu lợi bất chính là 3.544.521 đồng. Tiền phí hồ sơ là 1.500.000 đồng. Tổng số tiền Cao Hữu T thu lợi bất chính là **5.044.521** đồng.

7. Nguyễn Đăng T, sinh năm 1982, trú tại Thôn 1, xã L, thành phố Đ, Quảng Bình từ tháng 10/2020 đã vay của Cao Hữu T 03 gói vay, cụ thể:

- Có 02 gói vay với số tiền mỗi gói là 5.000.000 đồng, thời hạn vay là 25 ngày, trả góp cả gốc và lãi 250.000đ/ngày, tương ứng mức lãi suất 365%/năm, cao

gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền phí hồ sơ là 500.000đ/gói. Anh T đã trả đủ 02 gói vay cho T với số tiền là 12.500.000 đồng.

- Có 01 gói vay với số tiền là 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 25 ngày, trả góp cả gốc và lãi 500.000đ/ngày, tương ứng mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền phí hồ sơ là 1.000.000 đồng. Anh T mới trả được 17 ngày với số tiền là 8.500.000 đồng.

Tổng số tiền Cao Hữu T đã cho anh T vay 20.000.000 đồng, T đã thu được số tiền 21.000.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 16.800.000 đồng, tiền lãi theo quy định (20%) là 230.137 đồng và số tiền lãi T thu lợi bất chính là 3.969.863 đồng. Tổng số tiền phí hồ sơ là 2.000.000 đồng. Số tiền gốc anh Nguyễn Đăng T chưa trả là 3.200.000 đồng. Tổng số tiền Cao Hữu T thu lợi bất chính là **5.969.863** đồng.

8. Trần Đình T, sinh năm 1976, trú tại Thôn 2, xã L, thành phố Đ, Quảng Bình từ tháng 6/2020 đã vay của Cao Hữu T 02 gói vay, số tiền mỗi gói vay là 5.000.000 đồng, thời hạn vay của mỗi gói là 25 ngày, trả góp cả gốc và lãi 250.000đ/ngày/gói, tương ứng mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền phí hồ sơ là 500.000đ/gói. Anh T đã trả đủ cả hai gói vay cho T với số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định (20%) là 136.986 đồng và số tiền lãi T thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng. Tiền phí hồ sơ là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền Cao Hữu T thu lợi bất chính là **3.363.014** đồng.

Ngoài ra, Cao Hữu T đã giao tiền để Nguyễn Mạnh C cho 06 người vay tiền với 12 gói vay, tổng số tiền cho vay là 85.000.000 đồng, mức lãi suất các gói vay từ 243%/năm đến 365%/năm, cao gấp từ 12,15 lần đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong quá trình cho vay, Nguyễn Mạnh C đã thu được tổng số tiền 78.750.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 64.433.333 đồng, tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) là 895.891 đồng và số tiền lãi thu lợi bất chính là 13.420.776 đồng; tổng số tiền phí hồ sơ là 2.000.000 đồng. Số tiền gốc người vay chưa trả cho C là 20.566.667 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Mạnh C thu lợi bất chính là **15.420.776** đồng, số tiền Nguyễn Mạnh C thu được hàng ngày đều giao hết cho Cao Hữu T, cụ thể như sau:

1. Trần Thị Th, sinh năm 1971, trú tại Tổ dân phố 7, phường Đ, thành phố Đ, Quảng Bình từ tháng 11/2020 đã vay của Nguyễn Mạnh C 02 gói vay, số tiền mỗi gói vay là 5.000.000 đồng, thời hạn vay của mỗi gói là 25 ngày, trả góp cả gốc và lãi 250.000đ/ngày/gói, tương ứng mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy

định của Bộ luật dân sự. Chị Th đã trả đủ gói vay thứ nhất cho C là 6.250.000 đồng, gói thứ hai mới trả được 18 ngày với số tiền là 4.500.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Mạnh C đã cho chị Th vay 10.000.000 đồng, C đã thu được số tiền 10.750.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 8.600.000 đồng, tiền lãi theo quy định (20%) là 117.808 đồng và số tiền lãi C đã thu lợi bất chính là **2.032.192** đồng. Số tiền gốc chị Th chưa trả là 1.400.000 đồng.

2. Hoàng Thị T, sinh năm 1977, trú tại Thôn 1 V, xã V, huyện Q, Quảng Bình từ tháng 10/2020 đã vay của Nguyễn Mạnh C 03 gói, số tiền mỗi gói vay là 5.000.000 đồng, thời hạn vay của mỗi gói là 24 ngày, trả góp cả gốc và lãi 250.000đ/ngày/gói, tương ứng mức lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền phí hồ sơ 500.000đ/gói. Chị T đã trả đủ 02 gói vay cho C là 12.000.000 đồng, gói thứ ba mới trả được 14 ngày với số tiền là 3.500.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Mạnh C đã cho chị T vay 15.000.000 đồng, C đã thu được số tiền 15.500.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 12.916.667 đồng, tiền lãi theo quy định (20%) là 169.863 đồng và số tiền lãi C thu lợi bất chính là 2.413.470 đồng. Tổng số tiền phí hồ sơ là 1.500.000 đồng. Số tiền gốc chị T chưa trả là 2.083.333 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Mạnh C đã thu lợi bất chính là **3.913.470** đồng.

3. Trần Văn T, sinh năm 1980, trú tại Tổ dân phố 2, phường B, thành phố Đ, Quảng Bình trong tháng 10/2020 đã vay của Nguyễn Mạnh C 01 gói với số tiền là 10.000.000 đồng, thời hạn thanh toán của gói vay là 30 ngày, trả góp cả gốc và lãi 400.000đ/ngày, tương ứng mức lãi suất 243%/năm, cao gấp 12,15 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền phí hồ sơ là 500.000 đồng. Anh T đã trả đủ gói vay cho C là 12.000.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định (20%) là 164.384 đồng và số tiền lãi bất chính là 1.835.616đồng. Tổng số tiền Nguyễn Mạnh C đã thu lợi bất chính là **2.335.616** đồng.

4. Phạm Thanh H, sinh năm 1971, tạm trú tại số 93 Ng, phường N, thành phố Đ, Quảng Bình từ ngày 18/12/2020 đã vay của Nguyễn Mạnh C 02 gói, số tiền mỗi gói vay là 10.000.000 đồng, thời hạn vay của mỗi gói là 24 ngày, trả góp cả gốc và lãi 500.000đ/ngày, tương ứng mức lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị H đã trả đủ gói vay thứ nhất cho C là 12.000.000 đồng, gói thứ hai mới trả được 7 ngày với số tiền là 3.500.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Mạnh C đã cho chị H vay là 20.000.000 đồng, C đã thu được số tiền 15.500.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 12.916.667 đồng, tiền lãi theo quy

định (20%) là 169.863 đồng và số tiền lãi C đã thu lợi bất chính là **2.413.470** đồng. Số tiền gốc chị Hà chưa trả là 7.083.333 đồng.

5. Trần Thị M, sinh năm 1993, trú tại Tổ dân phố 14, phường N, thành phố Đ, Quảng Bình khoảng tháng 10/2020 đã vay của Nguyễn Mạnh C 02 gói, số tiền mỗi gói vay là 10.000.000 đồng, thời hạn vay của mỗi gói là 25 ngày, trả góp cả gốc và lãi 500.000đ/ngày/gói, tương ứng mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị M đã trả đủ gói vay thứ nhất cho C là 12.500.000 đồng, gói thứ hai mới trả được 11 ngày với số tiền là 5.500.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Mạnh C đã cho chị M vay 20.000.000 đồng, C đã thu của chị M số tiền 18.000.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 14.400.000 đồng, tiền lãi theo quy định (20%) là 197.530 đồng và số tiền lãi C đã thu lợi bất chính là **3.402.470** đồng. Số tiền gốc chị M chưa trả là 5.600.000 đồng.

6. Bùi Sông C, sinh năm 1961, trú tại Tổ dân phố D, phường Đ, thành phố Đ, Quảng Bình tháng 11/2020 đã vay của Nguyễn Mạnh C 02 gói, số tiền mỗi gói vay là 5.000.000 đồng, thời hạn vay của mỗi gói là 25 ngày, trả góp cả gốc và lãi 250.000đ/ngày/gói, tương ứng mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Anh C đã trả đủ gói vay thứ nhất cho C là 6.250.000 đồng, gói thứ hai mới trả được 03 ngày với số tiền là 750.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Mạnh C đã cho anh C vay 10.000.000 đồng, C đã thu của anh C số tiền 7.000.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 5.600.000 đồng, tiền lãi theo quy định (20%) là 76.712 đồng và số tiền lãi C thu lợi bất chính là **1.323.288** đồng. Số tiền gốc anh C chưa trả là 4.400.000 đồng.

Ngoài ra, Cao Hữu T và Nguyễn Mạnh C khai nhận còn cho 09 người khác vay tiền, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng do thông tin về người vay không đầy đủ, chính xác và một số người vay hiện nay không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì. Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh, khi làm rõ sẽ xử lý theo đúng quy định pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ một số đồ vật, tài liệu như sau:

* Tạm giữ từ Cao Hữu T gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, vỏ sau điện thoại màu đen, số Imei: 359189071591513, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ điện thoại màu xanh, số Imei: 353147111953007, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ điện thoại màu đen, số Imei: 355763106388766, đã qua sử dụng.

- 02 thẻ ngân hàng đều mang tên Cao Hữu T.

- 01 bì Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mang tên Hoàng Thị Lan H.

* Tạm giữ từ Nguyễn Mạnh C gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số Imei 359408083600405;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu xanh dương, số Imei 358253048945373;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh nước biển, số Imei 353120110185757;

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 38.000.000 đồng.

Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu gồm:

- Trả cho bị can Cao Hữu T 02 thẻ ngân hàng.

- Trả lại cho chị Hoàng Thị Lan H 01 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mang tên Hoàng Thị Lan H.

- Trả lại cho Nguyễn Mạnh C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số Imei 359408083600405; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu xanh dương, số Imei 358253048945373; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh nước biển, số Imei 353120110185757 và số tiền 38.000.000 đồng.

Cáo trạng số 18/VKS-P3 ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Cao Hữu T khai, thừa nhận hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo trong khoảng đầu năm 2020 đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố để Tòa án xét xử đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình giữ quyền công tố xét xử sơ thẩm vụ án khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Cao Hữu T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cao Hữu T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Cao Hữu T, xử phạt bị cáo Cao Hữu T từ 06 đến 09 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Cao Hữu T phải trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính vượt quá quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và số tiền lãi đã thu của các người vay. Tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc, tiền lãi 20% vì là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: tịch thu hóa giá bán sung công quỹ Nhà nước các vật chứng vụ án hiện còn thu giữ được xác định là phương tiện để bị cáo sử dụng vào việc cho vay.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Cao Hữu T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, khung hình phạt theo truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo

Tại phiên tòa bị cáo Cao Hữu T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố về số tiền cho vay, số tiền thu được và số tiền thu lợi bất chính. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập được. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng thời gian từ đầu năm 2020 đến tháng 01/2021 bị cáo Cao Hữu T đã có hành vi cho 14 người vay tiền với 43 gói vay, tổng số tiền cho vay là 517.000.000 đồng (*Năm trăm mười bảy triệu đồng*) để thu lãi với mức lãi suất 243%/năm đến 365 %/năm cao gấp từ 12,15 lần đến 18,25 lần so với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền bị cáo Cao Hữu T đã thu được là 552.500.000 đồng (*Năm trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 443.833.333 đồng, tiền lãi được phép thu 6.087.672 đồng, thu lợi bất chính với số tiền là 139.878.995 đồng (trong đó thu từ lãi suất cho vay 102.578.995 đồng, thu tiền phí hồ sơ dịch vụ 37.300.000 đồng); tiền gốc người vay chưa trả cho bị cáo là 62.883.333 đồng (*Sáu mươi hai triệu tám trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*), nên có đủ cơ sở để kết luận Cáo trạng số 18/VKS-P3 ngày 02/6/ 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Cao Hữu T ra trước Toà án để xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Cao Hữu T theo các hành vi phạm tội của bị cáo:

3.1. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo Cao Hữu T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Cao Hữu T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, gây tâm lý hoang mang, lo sợ của những người được bị cáo cho vay với lãi suất cao khi đến hạn không trả được nợ vay, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an trên đại bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi cho vay lãi nặng bị nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn bất chấp nhằm thu lợi bất chính nên cần xử phạt mức án nghiêm minh, đủ tác dụng trừng trị riêng đối với bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi xem xét lượng hình cũng cần xem xét nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét đến việc cho vay là do người vay tự nguyện xác lập giao dịch vay tiền và trả nợ, để xử phạt bị cáo mức án phù hợp thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người lần đầu phạm tội.

3.2. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Cao Hữu T có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị

cáo Cao Hữu T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo T đã tự nguyện nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; Bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 13/7/2021 nên bị cáo Cao Hữu T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo T có hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có.

3.3. Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế hiện tại của bị cáo, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không xác định được tài sản của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Cao Hữu T.

[4]. Về buộc nộp lại tiền là phương tiện phạm tội và tiền bị cáo đã thu lợi trái pháp luật.

Quá trình điều tra và xét xử xác định bị cáo Cao Hữu T là người quản lý và sử dụng số tiền cho vay 517.000.000 đồng, đã thu của 14 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền 552.500.000 đồng cho vay thu lãi trái pháp luật nên bị cáo Cao Hữu T phải nộp lại toàn bộ tiền gốc là 443.833.333 đồng và phải nộp lại số tiền thu lãi đến 20%/năm đã thu là 6.087.672 đồng, nhưng được trừ đi số tiền 20.00.000 đồng ngày 16/7/2021 bị cáo Cao Hữu T đã tự nguyện nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo phải nộp lại toàn bộ tiền lãi thu trái pháp luật vượt quá 20%/năm là 102.578.995 đồng để trả lại cho người vay, phải nộp lại tiền thu phí cho vay trái pháp luật để trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 37.300.000 đồng, cụ thể như sau: Trả cho Hoàng Thị Lan H 65.821.000 đồng; trả cho Tăng Thị M 31.618.000 đồng; trả cho Dương Thị H 2.737.000 đồng; trả cho Lê Xuân D 2.058.000 đồng; trả cho Nguyễn Thị Ng 3.226.000 đồng; trả cho Nguyễn Thị Ngọc H 4.839.000 đồng; trả cho Nguyễn Đăng T 5.739.000 đồng; trả cho Trần Đình T 3.226.000 đồng; trả cho Trần Thị Th 1.914.000 đồng; trả cho Hoàng Thị T 3.803.000 đồng; trả cho Trần Văn T 2.171.000 đồng; trả cho Phạm Thanh H 2.243.000 đồng; trả cho Trần Thị M 3.204.000 đồng; trả cho Bùi Sông C 1.246.000 đồng.

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc 69.966.000 đồng chưa trả cho người vay để sung vào ngân sách nhà nước vì số tiền này là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, gồm: Buộc Hoàng Thị Lan H nộp lại số tiền 46.400.000 đồng; Tăng Thị M nộp lại số tiền 3.000.000 đồng; Trần Thị Th nộp lại số tiền 1.400.000 đồng; Hoàng Thị T nộp lại số tiền 2.083.333 đồng; Trần Thị M nộp lại số tiền 5.600.000 đồng; Bùi Sông C nộp lại số tiền 4.400.000 đồng.

[5]. Liên quan trong vụ án có đối tượng Nguyễn Mạnh C là người giữ vai trò giúp sức tích cực cho Cao Hữu T trong hoạt động cho vay lãi nặng. Nguyễn Mạnh C nhận tiền từ Cao Hữu T cho 15 người vay tiền, trong đó có căn cứ xác định Nguyễn Mạnh C cho 06 người vay tiền với 12 gói vay, lãi suất từ 243%/năm đến 365%/năm, cao gấp từ 12,15 lần đến 18,25 lần so với mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền 15.420.776 đồng. Mặc dù các gói vay có mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, tuy nhiên khoản tiền mà C thu lợi bất chính từ 06 người vay chưa đến ba mươi triệu đồng nên hành vi của Nguyễn Mạnh C chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ các trường hợp người vay hiện nay không có mặt tại địa phương và những người vay chưa đủ thông tin địa chỉ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[6]. Về án phí: Bị cáo Cao Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 268, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

1. Tuyên bố bị cáo Cao Hữu T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt đối với bị cáo Cao Hữu T:

Áp dụng khoản 2 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Cao Hữu T 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được tính trừ thời gian đã tạm giữ tạm giam trước từ ngày 08/01/2021 đến ngày 06/4/2021.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Cao Hữu T.

3. Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Cao Hữu T phải nộp lại số tiền là 489.920.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 443.833.000 đồng và số tiền lãi 20%/năm 6.087.672 đồng), nhưng được khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0002143 ngày 16/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Số tiền còn lại phải tịch thu tại bị cáo 469.920.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*) để nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử buộc bị cáo Cao Hữu T phải trả lại số tiền 139.878.000 đồng thu lợi bất chính (trong đó khoản tiền lãi suất vượt quá 20%/năm là 102.578.995 đồng và tiền thu phí hồ sơ dịch vụ cho vay 37.300.000 đồng) để trả cho người vay (những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), cụ thể như sau:

- Trả cho Hoàng Thị Lan H 68.610.000 đồng (trong đó 48.110.000 đồng tiền lãi vượt quá và 20.500.000 đồng phí dịch vụ);

- Trả cho Tăng Thị M 33.084.000 đồng (trong đó 25.284.000 đồng tiền lãi vượt quá và 7.800.000 đồng phí dịch vụ);

- Trả cho Dương Thị H 2.868.000 đồng (trong đó 1.868.000 đồng tiền lãi vượt quá và 1.000.000 đồng phí dịch vụ);

- Trả cho Lê Xuân D 2.154.000 đồng (trong đó 1.654.000 đồng tiền lãi vượt quá và 500.000 đồng phí dịch vụ);

- Trả cho Nguyễn Thị Ng 3.363.000 đồng (trong đó 2.363.000 đồng tiền lãi vượt quá và 1.000.000 đồng phí dịch vụ);

- Trả cho Nguyễn Thị Ngọc H 5.044.000 đồng (trong đó 3.544.000 đồng tiền lãi vượt quá và 1.500.000 đồng phí dịch vụ);

- Trả cho Nguyễn Đăng T 5.969.000 đồng (trong đó 3.969.000 đồng tiền lãi vượt quá và 2.000.000 đồng phí dịch vụ);

- Trả cho Trần Đình T 3.363.000 đồng (trong đó 2.363.000 đồng tiền lãi vượt quá và 1.000.000 đồng phí dịch vụ);

- Trả cho Trần Thị Th 2.032.000 đồng tiền lãi vượt quá;

- Trả cho Hoàng Thị T 3.913.000 đồng (trong đó 2.413.000 đồng tiền lãi vượt quá và 1.500.000 đồng phí dịch vụ);

- Trả cho Trần Văn T 2.335.000 đồng (trong đó 1.835.000 đồng tiền lãi vượt quá và 500.000 đồng phí dịch vụ);

- Trả cho Phạm Thanh H 2.413.000 đồng tiền lãi vượt quá;
- Trả cho Trần Thị M 3.402.000 đồng tiền lãi vượt quá;
- Trả cho Bùi Sông C 1.323.000 đồng tiền lãi vượt quá .

Xử tịch thu toàn bộ số tiền gốc 69.966.00 đồng (*Sáu mươi chín triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) tại người vay (những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) chưa trả cho bị cáo Cao Hữu T để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Tịch thu tại chị Hoàng Thị Lan H số tiền 46.400.000 đồng;
- Tịch thu tại chị Tăng Thị M số tiền 3.000.000 đồng;
- Tịch thu tại chị Trần Thị Th số tiền 1.400.000 đồng;
- Tịch thu tại chị Hoàng Thị T số tiền 2.083.000 đồng;
- Tịch thu tại chị Phạm Thanh H số tiền 7.083.000 đồng;
- Tịch thu tại chị Trần Thị M số tiền 5.600.000 đồng;
- Tịch thu tại anh Bùi Sông C số tiền 4.400.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Tịch thu hóa giá bán sung vào ngân sách Nhà nước các vật chứng vụ án thu giữ của bị cáo Cao Hữu T gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, vỏ sau điện thoại màu đen, số Imei: 359189071591513, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ điện thoại màu xanh, số Imei: 353147111953007, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ điện thoại màu đen, số Imei: 355763106388766, đã qua sử dụng

Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/6/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình và Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình)

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng bị cáo Cao Hữu T tự nguyện nộp một phần tiền thu lợi bất chính theo biên lai thu tiền số AA/2018/0002143 ngày 16/7/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình để đảm bảo thi hành án.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền thi hành án dân sự

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu bị cáo thi hành đối với khoản tiền nói trên cho đến khi thi hành xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Buộc bị cáo Cao Hữu T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm, phải chịu 6.993.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo Cao Hữu T, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/10/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với phần liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Vụ GĐKT1 TANDTC (khi án ST có HLPL);
- Phòng HSNVCS-CA Quảng Bình;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Bình;
- Phòng KTNV-THAHS TAND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa HS, VPTAQB;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA
 (Đã ký)

Võ Bá Lưu

